

DANH SÁCH KẾT QUẢ XẾP LOẠI THI ĐUA THÁNG 8/2024

| Stt | Họ và tên             | Mã E-office | Đơn vị xếp loại thi đua | Kết quả xếp loại thi đua |                               |
|-----|-----------------------|-------------|-------------------------|--------------------------|-------------------------------|
|     |                       |             |                         | Xếp loại                 | Ghi chú                       |
| a   | Viên chức             |             |                         | 10                       | 4A1 + 4A2 + 2A3 + 0A4         |
| 1   | Nguyễn Thành Nam      | 01005007    | A1                      | A1                       |                               |
| 2   | Quách Minh Thử        | 01014007    | A1                      | A1                       |                               |
| 3   | Nguyễn Thị Thùy       | 01022013    | A1                      | A1                       |                               |
| 4   | Võ Thị Xuân Thơ       | 01004003    | A2                      | A2                       |                               |
| 5   | Nguyễn Thị Thanh Thảo | 01004008    | A3                      | A2                       | Thống nhất đề nghị của đơn vị |
| 6   | Huỳnh Thị Cẩm Hoa     | 01005009    | A3                      | A3                       |                               |
| 7   | Giáp Thị Vượng        | 01004009    | A2                      | A2                       |                               |
| 8   | Thái Thị My Sa        | 01002020    | A1                      | A1                       |                               |
| 9   | Nguyễn Thị Hải Hà     | 01012026    | A2                      | A2                       |                               |
| 10  | Nguyễn Thị Ngọc Anh   | 01022058    | A3                      | A3                       |                               |
| b   | Hợp đồng trường       |             |                         | 6                        | 1A1 + 2A2 + 3A3 + 0A4         |
| 11  | Trần Nhật Thịnh       | 01004020    | A3                      | A3                       |                               |
| 12  | Sỹ Thị Chung          | 01011017    | A2                      | A2                       |                               |
| 13  | Nguyễn Thị Tất        | 01022059    | A2                      | A2                       |                               |
| 14  | Nguyễn Thị Nhung      | 01018006    | A1                      | A1                       |                               |
| 15  | Võ Thị Mỹ Ngọc        | 01004021    | A3                      | A3                       |                               |
| 16  | Nguyễn Việt Tiến      | 01004013    | A3                      | A3                       |                               |

|                  |    |
|------------------|----|
| Tổng số CB-GV-NV | 16 |
| Xếp loại A1:     | 5  |
| Xếp loại A2:     | 6  |
| Xếp loại A3:     | 5  |

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 9 năm 2024

THƯ KÝ TT HĐTĐ-KT

TRƯỞNG PHÒNG TC-HC-TH

  
Lưu Hoàng Hải Yến

  
Lâm Viết Dũng